

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
KỸ THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 041201/26/CV-TCBS

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

**Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

- Mã chứng khoán: TCX

- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

- E-mail: baocao\_tcbs@techcombank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương ("TCBS") công bố: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 011201/26/NQ-HĐQT-TCBS ngày 12/01/2026 về thông qua việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

(Chi tiết như tài liệu đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/01/2026 tại đường dẫn: <https://www.tcbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số  
011201/26/NQ-HĐQT-TCBS

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**NGÔ HOÀNG HÀ**



Số: 011201/26/NQ-HĐQT-TCBS

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG**

(V/v: Thông qua việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương)

**HỘI ĐỒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Công Ty” hoặc “TCBS”) (“Điều Lệ”);
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty (“ĐHĐCĐ”) số 022612/25/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 26/12/2025 phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“Nghị Quyết ĐHĐCĐ”);
- Căn cứ Tờ trình của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương số 040701/26/TT-CTHĐQT-TCBS ngày 07/01/2026 về việc thông qua việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu về việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty số 011201/26/BBKP-HĐQT-TCBS ngày 12/01/2026.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1 Thông qua việc triển khai phương án phát hành và phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025:**

- 1.1. HĐQT phê duyệt triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2025 (“Chương Trình ESOP 2025”) trên cơ sở phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công Ty phê duyệt tại Điều 1 Nghị Quyết ĐHĐCĐ, chi tiết theo Phương án phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho



người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương đính kèm Nghị quyết này ("**Phương Án Phát Hành**").

- 1.2. HĐQT phê duyệt triển khai chi tiết phương án tăng vốn điều lệ của Công Ty, theo đó, vốn điều lệ của Công Ty từ 23.113.080.210.000 VND (Hai mươi ba nghìn một trăm mười ba tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng) tăng lên 23.115.834.960.000 VND (Hai mươi ba nghìn một trăm mười lăm tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tương ứng với tổng mệnh giá của số lượng Cổ Phiếu ESOP dự kiến được phát hành theo Phương Án Phát Hành đã được Đại hội đồng cổ đông Công Ty phê duyệt tại Điều 2 Nghị Quyết ĐHĐCĐ.

**Điều 2 Thông qua danh sách Cán bộ nhân viên ("CBNV") được lựa chọn tham gia Chương Trình ESOP 2025:**

HĐQT phê duyệt danh sách CBNV được lựa chọn tham gia Chương Trình ESOP 2025 chi tiết theo Phụ Lục đính kèm Phương Án Phát Hành đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 3 Thông qua việc triển khai thực hiện**

HĐQT chịu trách nhiệm thực hiện và giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc sau:

- 3.1. Quyết định/phê duyệt và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để triển khai thành công Phương Án Phát Hành đã được Hội đồng quản trị thông qua (bao gồm nhưng không giới hạn (i) ký kết các văn bản, hồ sơ, tài liệu cần thiết để triển khai Phương Án Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành kể cả các tài liệu trong danh mục các tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo Chương Trình ESOP 2025 của Công Ty phù hợp với Phương Án Phát Hành để gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để phù hợp với nhu cầu thực tiễn, quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).
- 3.2. Trên cơ sở danh sách CBNV được phê duyệt lựa chọn tham gia Chương Trình ESOP 2025, thực hiện việc tách các phiếu biểu quyết của các cổ đông là CBNV có tên trong danh sách này đã biểu quyết phê duyệt tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 022612/25/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS.
- 3.3. Giám sát việc thực hiện và đề xuất điều chỉnh đối với việc phát hành cổ phiếu theo Chương Trình ESOP 2025 theo tình hình thực tế để HĐQT xem xét phê duyệt nếu cần thiết.
- 3.4. Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ, bao gồm nhưng không giới hạn việc ban hành bản Điều lệ sửa đổi để ghi nhận mức vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất đợt phát hành và các thủ tục đăng ký/điều chỉnh vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 3.5. Tổ chức triển khai các công việc liên quan đến việc đăng ký, lưu ký tập trung bổ sung Cổ Phiếu ESOP tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung Cổ Phiếu ESOP tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") ("**Đăng Ký Và Niêm Yết**"), làm việc và giải trình với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ký kết các văn bản, tài liệu có liên quan để thực hiện việc Đăng Ký Và Niêm Yết.
- 3.6. Chỉ đạo các đơn vị, bộ phận liên quan trong Công Ty tổ chức triển khai thực hiện việc phát hành cổ phiếu, thủ tục tăng vốn điều lệ, sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thực hiện Đăng Ký Và Niêm Yết để đảm bảo an toàn, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4 Hiệu lực và thi hành:**

- 4.1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 4.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban, cá nhân có liên quan thuộc Công Ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN XUÂN MINH



**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA PHÁT HÀNH  
CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY  
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (mã chứng khoán: TCX)
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mã cổ phiếu : TCX
4. Mệnh giá cổ phiếu phát hành : 10.000 VND (mười nghìn Đồng)/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 2.311.308.021 (Hai tỷ ba trăm mười một triệu ba trăm lẻ tám nghìn không trăm hai mươi một) cổ phiếu.
6. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 2.311.308.021 (Hai tỷ ba trăm mười một triệu ba trăm lẻ tám nghìn không trăm hai mươi một) cổ phiếu.
7. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cho CBNV theo Chương Trình ESOP 2025 : 275.475 (hai trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi lăm) cổ phiếu.
8. Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá) : 2.754.750.000 VND (Hai tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn Đồng)
9. Tỷ lệ phát hành : 0,01192%  
(số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành)
10. Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau Đợt Phát Hành : 2.311.583.496 (Hai tỷ ba trăm mười một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi sáu) cổ phiếu
11. Giá phát hành Cổ Phiếu ESOP : 10.000 VND (mười nghìn Đồng)/ cổ phiếu
12. Vốn điều lệ hiện tại và mức tăng vốn điều lệ dự kiến sau đợt phát hành:
  - Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại: 23.113.080.210.000 VND (Hai mươi ba nghìn một trăm mười ba tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm mười nghìn Đồng)
  - Mức vốn điều lệ tăng thêm: 2.754.750.000 VND (Hai tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn Đồng);
  - Vốn điều lệ mới sau khi tăng thêm: 23.115.834.960.000 VND (Hai mươi ba nghìn một trăm mười lăm tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn Đồng)
13. Đối tượng phát hành : CBNV theo Danh sách liệt kê tại Phụ lục đính kèm
14. Điều kiện chung :
  - Cổ phiếu phát hành theo Chương Trình ESOP 2025 sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành, trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại phù hợp với Phương Án Phát Hành và theo quy định của pháp luật;
  - CBNV được quyền mua Cổ Phiếu ESOP không được chuyển nhượng quyền mua Cổ Phiếu ESOP cho người khác.



15. Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công Ty;
16. Thời gian chào bán : Trong Quý I năm 2026 cho đến Quý II năm 2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) thông báo bằng văn bản về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công Ty, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định của TCBS;
17. Đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TCBS trong 12 tháng gần nhất: Không có.
18. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết:
- Đối với toàn bộ Cổ Phiếu ESOP chưa phân phối hết trong Đợt Phát Hành, bao gồm (i) số cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện tính toán phân bổ theo Chương Trình ESOP 2025, (ii) số cổ phiếu CBNV không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp đủ hoặc không nộp tiền mua, HĐQT quyết định tiếp tục chào bán cho các CBNV khác trong danh sách CBNV được lựa chọn tham gia Chương Trình ESOP 2025 theo quy định pháp luật với cùng mức giá phát hành.  
Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp Cổ Phiếu chưa phân phối hết cho các CBNV khác, HĐQT toàn quyền: (i) xác định danh sách chi tiết đối tượng được mua số cổ phiếu còn thừa sau khi phát hành Cổ Phiếu ESOP, (ii) nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, và (iii) thời gian tiếp tục chào bán số Cổ Phiếu ESOP chưa phân phối hết này.
  - Số Cổ Phiếu ESOP chưa phân phối hết được chào bán cho một hoặc một số CBNV xác định sẽ theo đúng điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu tại mục 14 trên đây, và đảm bảo tuân thủ phù hợp theo quy định tại Nghị Định 155, Nghị Định 245 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
  - Trong trường hợp hết thời gian phân phối của Đợt Phát Hành theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số lượng Cổ Phiếu ESOP vẫn không được phân phối hết cho các CBNV khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu ESOP còn thừa này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu ESOP chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu ESOP thực tế đã được phân phối trong Đợt Phát Hành.
19. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành : Sau khi hoàn thành đợt phát hành, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành Cổ Phiếu ESOP sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ của Công Ty và Công Ty sẽ sử dụng cho mục đích: Đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán (bao gồm kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu), đầu tư giấy tờ có giá
20. Thời gian dự kiến hoàn thành việc phát hành Cổ Phiếu ESOP : Không quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành theo Chương Trình ESOP 2025.
21. Quyền và nghĩa vụ của người mua cổ phiếu :
- a) Người mua cổ phiếu sẽ trở thành cổ đông phổ thông của TCBS, có các quyền và nghĩa vụ đầy đủ áp dụng đối với cổ đông phổ thông theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật Việt Nam;
  - b) Người mua cổ phiếu có nghĩa vụ nộp tiền mua cổ phiếu theo quy định và thông báo của TCBS;
  - c) Người mua cổ phiếu chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán về giới hạn sở hữu cổ phiếu của cổ đông, cổ đông và người có liên quan; và



d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

22. Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của CBNV, phương án bán ra số cổ phiếu được Công Ty mua lại: Không áp dụng.

23. Đăng ký, lưu ký và niêm yết Cổ Phiếu ESOP : Cổ Phiếu ESOP phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE sau khi kết thúc đợt phát hành phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC CHỌN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP 2025**

| STT | Họ và tên          | Cấp độ nhân viên | Số cổ phiếu tiêu chuẩn | Hệ số tham gia phát triển nguồn lực<br>( $C = C1 \times C2$ ) |          | Hệ số tham gia phát triển năng lực số | Hệ số tham gia phát triển giá trị cổ lợi trong văn hóa tổ chức | Số cổ phiếu được phân phối         |
|-----|--------------------|------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|     |                    |                  |                        | $C1$                                                          | $C2$     |                                       |                                                                |                                    |
|     |                    |                  | $B$                    |                                                               |          | $D$                                   | $E$                                                            | $A = B \times C \times D \times E$ |
| 1   | Phạm Diệu Linh     | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 58,4960% | 1,5                                   | 2,5                                                            | 16.452                             |
| 2   | Trần Thị Thu Trang | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 55,3102% | 1,5                                   | 2,5                                                            | 15.556                             |
| 3   | Nguyễn Tuấn Cường  | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 3                                                             | 67,1160% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 13.591                             |
| 4   | Nguyễn Đăng Minh   | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 75,3481% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 12.715                             |
| 5   | Quách Thùy Linh    | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 70,6370% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 11.920                             |
| 6   | Đoàn Mai Hạnh      | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 64,4444% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 10.875                             |
| 7   | Bùi Minh Quân      | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1,5                                                           | 56,1173% | 2,5                                   | 2,5                                                            | 10.522                             |
| 8   | Bùi Thị Thu Hằng   | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 61,9022% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 10.446                             |
| 9   | Đinh Thị Thu Nga   | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 1,5                                                           | 50,1630% | 1,5                                   | 3                                                              | 10.158                             |
| 10  | Đỗ Thanh Tùng      | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1                                                             | 90,0000% | 1,5                                   | 3                                                              | 8.100                              |
| 11  | Đặng Trung Thành   | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 1,5                                                           | 74,2716% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 7.520                              |
| 12  | Ngô Thanh Tâm      | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 66,7022% | 1,5                                   | 1                                                              | 7.504                              |



| STT | Họ và tên             | Cấp độ nhân viên | Số cổ phiếu tiêu chuẩn | Hệ số tham gia phát triển nguồn lực<br>( $C = C1 \times C2$ ) |          | Hệ số tham gia phát triển năng lực số | Hệ số tham gia phát triển giá trị cổ lãi trong văn hóa tổ chức | Số cổ phiếu được phân phối |
|-----|-----------------------|------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------|
|     |                       |                  |                        | C1                                                            | C2       |                                       |                                                                |                            |
|     |                       |                  | <b>B</b>               |                                                               |          | <b>D</b>                              | <b>E</b>                                                       | <b>A = BxCxDxE</b>         |
| 13  | Trịnh Thế Thành       | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 66,0444% | 1,5                                   | 1                                                              | 7.430                      |
| 14  | Lê Văn Khuyển         | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1,5                                                           | 51,9778% | 3                                     | 1,5                                                            | 7.017                      |
| 15  | Lương Thị Minh Phương | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 1,5                                                           | 64,0395% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 6.484                      |
| 16  | Lưu Minh Trung        | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1,5                                                           | 57,1022% | 1,5                                   | 2,5                                                            | 6.424                      |
| 17  | Phạm Thúy Quỳnh       | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 1,5                                                           | 57,2346% | 1,5                                   | 1,5                                                            | 5.795                      |
| 18  | Vũ Long               | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1,5                                                           | 51,3867% | 1,5                                   | 2,5                                                            | 5.781                      |
| 19  | Nguyễn Văn Dương      | Nhân viên cấp 3  | 2.000                  | 1                                                             | 75,0400% | 2,5                                   | 1,5                                                            | 5.628                      |
| 20  | Nguyễn Tuấn Anh       | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 56,0587% | 2,5                                   | 3                                                              | 31.533                     |
| 21  | Ngô Hoàng Hà          | Nhân viên cấp 2  | 3.000                  | 2,5                                                           | 63,2800% | 2,5                                   | 3                                                              | 35.595                     |
| 22  | Nguyễn Thị Thu Hiền   | Nhân viên cấp 1  | 4.000                  | 3                                                             | 52,6463% | 1,5                                   | 3                                                              | 28.429                     |
|     |                       |                  |                        |                                                               |          |                                       | <b>Tổng</b>                                                    | <b>275.475</b>             |

